

Bản án số: 17 /2021/HSST
Ngày 01/02/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trâm Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Nhác

Ông Nguyễn Văn Khanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28/01/2021 và 01/02/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân quận Long Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 378/2020/HSST ngày 24 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 390/2020/QĐXXST- HS ngày 30 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vũ Văn Q** Sinh năm 1984 Giới tính: Nam
HKTT và chỗ ở: Tổ dân phố T, phường X, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không
Nghề nghiệp: Nhân viên an ninh Trình độ văn hóa: 12/12
Con ông: Vũ Văn L (SN: 1960)
Con bà: Phạm Thị T (SN: 1962)
Gia đình có 04 anh em, bị can là con thứ nhất
Vợ: Nguyễn Thị Hương G (SN: 1981)
Có 02 con: 01 con sinh năm 2008, 01 con sinh năm 2012.
Tiền án, tiền sự: Chưa

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/8/2020, hủy bỏ tạm giữ ngày 09/9/2020. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Họ và tên: **Đặng Văn Đ** Sinh năm 1991 Giới tính: Nam
HKTT và chỗ ở: Thôn Yên Viên, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không
Nghề nghiệp: Nhân viên bảo vệ Trình độ văn hóa: 8/12
Con ông: Đặng Văn Thái (SN: 1969, đã chết)
Con bà: Nguyễn Thị Hương (SN: 1971)

Gia đình có 02 anh em, bị can là con thứ nhất

Vợ: Lê Phương Anh (SN: 1993); có 01 con sinh năm 2021

Tiền án, tiền sự: Chưa

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/8/2020, hủy bỏ tạm giữ ngày 09/9/2020. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Họ và tên: **Trần Thủy Q** Sinh năm 1995 Giới tính: Nam
HKTT và chỗ ở: Số B , Tổ C phường T, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Nhân viên an ninh Trình độ văn hóa: 9/12

Con ông: Trần Văn T (đã chết)

Con bà: Hoàng Thị C (SN: 1958)

Gia đình có 02 chị em, bị can là con thứ hai.

Vợ: Lê Thị Huyền L (SN: 1995)

Có 01 con sinh năm 2018

Tiền án, tiền sự: Chưa

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/8/2020, hủy bỏ tạm giữ ngày 09/9/2020. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Họ và tên: **Nguyễn Việt T** Sinh năm 1981 Giới tính: Nam
HKTT và chỗ ở: Thôn D, xã V, huyện Đông Anh, TP Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Nhân viên an ninh Trình độ văn hóa: 12/12

Con ông: Nguyễn Việt L (đã chết)

Con bà: Nguyễn Thị N (đã chết)

Gia đình có 03 anh em, bị can là con thứ ba.

Vợ: Nguyễn Thị H (SN: 1982)

Có 04 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Chưa

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/8/2020, hủy bỏ tạm giữ ngày 09/9/2020. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị hại: Lê Văn D , SN 1996

Hiện đang thụ án tại trại giam H, Hải Dương.

(Vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cửa hàng K

Địa chỉ: Tầng B TTTM A, quận Long Biên, TP. Hà Nội

Đại diện hợp pháp : Chị Lê Thị Trang, SN 1993

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/2/2020, bộ phận an ninh Trung tâm thương mại A, phường L, quận Long Biên, TP Hà Nội tiếp nhận thông tin cửa hàng K tại tầng 2 TTTM A bị kẻ gian trộm cắp 01 (một) chiếc kính nhãn hiệu Prada trị giá 7.500.000đ. Bộ phận an ninh trung tâm thương mại A đã kiểm tra, rà soát camera lắp đặt trong

trung tâm thương mại và xác định được đối tượng nghi vấn trộm cắp tài sản đã sử dụng xe máy nhãn hiệu Honda SH màu đỏ BKS: 29Y2-589.69 gửi tại bãi xe của Trung tâm thương mại A.

Đến khoảng 22h00 ngày 08/3/2020, Vũ Văn Q là trợ lý giám sát an ninh tại Trung tâm thương mại A đang làm nhiệm vụ trong ca trực thì nhận được thông tin qua bộ đàm của nhân viên bảo vệ bãi giữ xe thông báo đã phát hiện được đối tượng nghi vấn trộm cắp tài sản tại trung tâm thương mại ngày 19/2/2020 do đối tượng gửi xe máy trên bị hệ thống nhận diện biển số xe phát hiện. Q nói với nhân viên bảo vệ dẫn đối tượng đến phòng an ninh của Trung tâm thương mại A. Q gọi điện thoại cho Nguyễn Việt T - Đội trưởng giám sát an ninh là cấp trên của Q, thông báo sự việc này, T chỉ đạo Q cùng một số người trong ca trực mời đối tượng về phòng an ninh để làm việc. Đồng thời, Q gọi cho Đặng Văn Đ - nhân viên công ty bảo vệ Sao Vàng và Trần Thủy Q - trợ lý giám sát an ninh đến cùng Q làm việc, xác minh hành vi với đối tượng trộm cắp tài sản. Tại đây, đối tượng được xác định là Lê Văn D (SN 1996, trú tại: xã Phù Nham, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái), D thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản. Q đã mời Chị Lê Thị Trang (SN 1993, trú tại: Số 47 Vũ Xuân Thiều, phường Sài Đồng, quận Long Biên, TP Hà Nội) là nhân viên gian hàng xuống phòng an ninh tại tầng 1 để làm việc và xác định D chính là đối tượng xuất hiện tại thời điểm gian hàng bị mất trộm tài sản. Lúc này Q, Q, Đ đã yêu cầu D để giấy tờ cá nhân lên bàn làm việc. Đ cho D viết tường trình, lập biên bản sự việc trộm cắp tài sản. Q gọi điện thoại cho T thông báo việc đối tượng D đã nhận hành vi trộm cắp tài sản ngày 19/02/2020. T báo Q liên hệ với cửa hàng K để xem phương án giải quyết. Q gọi điện cho chị Nguyễn Thị Ngân (SN 1991, trú tại: Tổ 10, phường Sài Đồng, quận Long Biên, TP Hà Nội) là trưởng cửa hàng K thông báo về việc đối tượng muốn đền bù tài sản. Chị Ngân đã đồng ý để bộ phận an ninh xử lý. Sau đó, Q nói với Đ “bảo nó nộp nhiều tí, còn lại thừa ra mỗi anh em một ít”. Đ đã yêu cầu D giao nộp 30.000.000 đồng thì sẽ giải quyết cho về, nếu không sẽ đưa D ra cơ quan công an để xử lý về hành vi trộm cắp của D. Vì sợ bị Công an bắt và phải đi tù nên D đã buộc phải đồng ý tuy nhiên do D không có tiền trong người. Q gọi điện báo lại với T về việc D không mang tiền theo người và xin ý kiến T về việc sẽ đe dọa, yêu cầu đối tượng D nộp tiền, T nói “tùy anh em xử lý” tức là đồng ý cho các đối tượng làm theo phương án trên. Q và Đ cho D sử dụng điện thoại của mình, để điện thoại trên mặt bàn, mở loa ngoài, gọi cho chị Vũ Thùy Giang (SN 1984; trú tại: Số 6B ngõ 287 Ngô Gia Tự, phường Đ Giang, quận Long Biên, TP Hà Nội, là bạn gái của D), nhờ chị Giang mang cho D 10.000.000 đồng và anh Nguyễn Trung Kiên (SN 1996, trú tại: Tổ 26 phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội, là bạn của D), nhờ anh Kiên mang cho D 20.000.000 đồng đến trung tâm thương mại Aeon Long Biên.

Đến khoảng 00h30 ngày 09/3/2020, anh Kiên đến trung tâm thương mại Aeon Long Biên và gọi D ra gặp. Nhóm Q, Q, Đ đã dẫn D ra cổng số 5 của trung tâm thương mại để gặp Kiên lấy tiền. Để đề phòng D bỏ trốn và không cho Kiên nhìn thấy, nhóm Q, Q, Đ đứng ở bụi cây cách D khoảng 5 mét để D

một mình ra gặp và nhận số tiền 20.000.000 đồng từ Kiên. Sau khi Kiên đi về, nhóm Q, Q, Đ đưa D quay trở lại phòng an ninh tiếp tục đợi. Khoảng 5 phút sau, chị Giang đến phòng an ninh gặp D. Chị Giang được Q cho biết D có hành vi trộm cắp tài sản và phải nộp phạt, nếu không sẽ bị đưa ra cơ quan công an. Chị Trang đã đưa cho D 10.000.000 đồng, rồi đi về. D đếm đủ 30.000.000 đồng và đưa cho Đ cầm. Nhóm Q, Q, Đ cho D tường trình ký tên tự nguyện bồi thường số tiền 7.500.000 đồng tương đương với giá trị chiếc kính mà D đã lấy trộm cho cửa hàng K. Sau đó các đối tượng cho D lấy giấy tờ cá nhân và xe máy để đi về.

Sáng ngày 09/3/2020, T nhắn tin hỏi Đ kết quả xử lý vụ việc của D, Đ báo cáo đã thu của D số tiền 30.000.000 đồng, T bảo Đ đi thanh toán số tiền 7.500.000 đồng cho cửa hàng K. Sau đó, Đ và Q đi đến gian hàng K, tại đây Q trực tiếp vào gặp chị Ngân đưa số tiền 7.500.000 đồng. Chị Ngân nhận tiền và làm thủ tục thanh toán, in hóa đơn bán lẻ (coi như đối tượng đã bỏ tiền mua chiếc kính này) rồi đưa cho Q. Số tiền còn lại là 22.500.000 đồng, Q chia đều bốn người gồm có: Q, Q, Đ, T, mỗi người 5.625.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ:

- Hóa đơn mua kính trị giá 7.500.000 đồng, biên bản trộm cắp tài sản, bản tường trình, biên bản làm việc mà các đối tượng đã tiến hành làm việc với Lê Văn D ngày 08/3/2020 tại trung tâm thương mại Aeon Long Biên; 01 điện thoại Iphone XS Max màu đen, số Imei 3357327090660313, sim số 0902193310 của Vũ Văn Q

- Các bị can Vũ Văn Q, Đặng Văn Đ, Trần Thủy Q, Nguyễn Viết T mỗi người tự nguyện giao nộp số tiền 5.625.000 đồng, tổng số tiền là 22.500.000 đồng.

- Cửa chị Lê Thị Trang đại diện cửa hàng K số tiền 7.500.000 đồng.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra: Vũ Văn Q, Đặng Văn Đ, Trần Thủy Q, Nguyễn Viết T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đối với Nguyễn Viết T, là đội trưởng giám sát an ninh của Trung tâm thương mại A, tuy không trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nhưng đã biết, đồng ý, cũng như hướng dẫn các bị can thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản của Lê Văn D, đồng thời hưởng lợi 5.625.000 đồng. Do vậy, đủ căn cứ kết luận của Nguyễn Viết T đồng phạm với các bị cáo Vũ Văn Q, Đặng Văn Đ, Trần Thủy Q.

Đối với hành vi trộm cắp tài sản nêu trên của Lê Văn D Tại bản án hình sự sơ thẩm số 285/2020/HSST ngày 18/11/2020 TAND quận Long Biên tuyên phạt Lê Văn D 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Đối với chị Nguyễn Thị Ngân và chị Lê Thị Trang: Tại thời điểm xảy ra sự việc là nhân viên cửa hàng K, chị Ngân và chị Trang không biết số tiền 7.500.000 đồng mà các bị cáo trả cho cửa hàng là số tiền do phạm tội mà có. Do vậy, Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý là có căn cứ.

Quá trình điều tra, bị hại trong vụ án là Lê Văn D (hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 2, CATP Hà Nội) đã có đơn ủy quyền Cơ quan điều tra trao

trả số tiền: 7.500.000 đồng cho cửa hàng K tương đương với trị giá tài sản D đã trộm cắp. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 176/ ngày 25/11/2020 trao trả cho đại diện hợp pháp của cửa hàng K là chị Lê Thị Trang số tiền 7.500.000 đồng là có căn cứ. Sau khi nhận đủ số tiền 7.500.000 đồng, chị Trang không có yêu cầu bồi thường dân sự.

Tại bản cáo trạng số 02/CT-VKSLB ngày 18/12/2020 của Viện Kiểm Sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội: Truy tố Vũ Văn Q, Đặng Văn Đ, Trần Thủy Q, Nguyễn Viết T về tội Cường đoạt tài sản quy định tại Khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 170 ; điểm b, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 17 ; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn Q từ 30 đến 32 tháng tù.

Bị cáo Đặng Văn Đ từ 28 đến 30 tháng tù.

Bị cáo Trần Thủy Q từ 28 đến 30 tháng tù.

Bị cáo Nguyễn Viết T từ 30 đến 32 tháng tù

Về hình phạt bổ sung: Miễn phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền là 22.500.000 đồng (là một phần số tiền các bị cáo cường đoạt của Lê Văn D) là tài sản hợp pháp của Lê Văn D nên thấy cần trả lại cho D .

- 01 điện thoại Iphone XS Max màu đen, số Imei 3357327090660313 thu giữ của Vũ Văn Q liên quan đến hành vi phạm tội nên thấy cần tịch thu sung công.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại là Lê Văn D không yêu cầu bồi thường nên hội đồng xét xử không xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Đại diện cửa hàng K là chị Lê Thị Trang đã nhận được số tiền 7.500.000 đồng tương đương giá trị chiếc kính mắt bị Lê Văn D trộm cắp và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Văn Q, Đặng Văn Đ, Trần Thủy Q, Nguyễn Viết T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trong bản Cáo trạng; nội dung phân tích, luận tội của kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa, không bị oan sai.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất để có điều kiện cải tạo ngoài xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Long Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Vũ Văn Q , Đặng Văn Đ , Trần Thủy Q , Nguyễn Viết T không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, vật chứng đã thu giữ, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 09/3/2020, tại phòng an ninh của Trung tâm thương mại A thuộc phường Long Biên, quận Long Biên, TP. Hà Nội, Vũ Văn Q , Đặng Văn Đ , Trần Thủy Q , Nguyễn Viết T có hành vi uy hiếp tinh thần và chiếm đoạt 30.000.000 đồng của anh Lê Văn D .

Các bị cáo Vũ Văn Q , Đặng Văn Đ , Trần Thủy Q , Nguyễn Viết T có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi có ý trực tiếp đã xâm phạm đến sức khỏe tinh thần quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật hình sự bảo vệ; Hành vi của bị cáo Vũ Văn Q , Đặng Văn Đ , Trần Thủy Q , Nguyễn Viết T đủ yếu tố cấu thành tội “ Cưỡng đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Vũ Văn Q , Đặng Văn Đ , Trần Thủy Q , Nguyễn Viết T “ Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, và đúng quy định của pháp luật.

Vụ án có tính chất đồng phạm, Các bị cáo Vũ Văn Q , Đặng Văn Đ , Trần Thủy Q , Nguyễn Viết T bộc phát nhất thời phạm tội; bị cáo Vũ Văn Q là người khởi xướng cưỡng đoạt tài sản đồng thời cùng với Đặng Văn Đ là người thực hành tích cực, bị cáo Trần Thủy Q là người giúp sức, Nguyễn Viết T là người cùng thống nhất ý chí với các bị cáo khác và các bị cáo đều được hưởng lợi như nhau mỗi bị cáo 5.625.000 đồng. Do vậy cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Vũ Văn Q , Đặng Văn Đ , Trần Thủy Q , Nguyễn Viết T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết giảm nhẹ:

Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Người bị

hại là Lê Văn D có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo Vũ Văn Q có thành tích xuất sắc trong lao động được Chủ tịch UBND quận Long Biên, thành phố Hà Nội tặng giấy khen năm 2019 là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo Đặng Văn Đ có ông nội là liệt sỹ Đặng Văn Phần là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

[5]. Về nhân thân: Các bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự và có nơi cư trú ổn định rõ ràng.

[6]. Về quyết định hình phạt: Sau khi xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, xét các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo phải xử lý nghiêm khắc để các bị cáo lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm cho bản thân nhưng không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội vẫn có tác dụng giáo dục để bị cáo sửa chữa những sai lầm của mình có cơ hội trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có thu nhập ổn định, không có khả năng kinh tế nên miễn hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo.

[8]. Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền là 22.500.000 đồng (là một phần số tiền các bị cáo cưỡng đoạt của Lê Văn D) Quá trình điều tra xác định số tiền trên là tài sản hợp pháp của Lê Văn D nên thấy cần trả lại cho D . Bị hại Lê Văn D không có yêu cầu bồi thường về dân sự nên hội đồng xét xử không xét.

- 01 điện thoại Iphone XS Max màu đen, số Imei 3357327090660313 thu giữ của Vũ Văn Q liên quan đến hành vi phạm tội nên thấy cần tịch thu sung công.

[9]. Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại là Lê Văn D không yêu cầu bồi thường nên hội đồng xét xử không xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Đại diện cửa hàng K là chị Lê Thị Trang đã nhận được số tiền 7.500.000 đồng tương đương giá trị chiếc kính mắt bị Lê Văn D trộm cắp và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

[10]. Về án phí : Căn cứ 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Khoản 1 Mục I, Danh mục án phí lệ phí Tòa án: Các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

[11]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17 ; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn Q 28 (hai mươi tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Hạn thử thách 56 (năm mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Vũ Văn Q cho Ủy ban nhân dân phường X, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội giám sát giáo dục trong thời hạn thử thách của bản án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm b, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17 ; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn Đ 26 (hai mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Hạn thử thách 52 (năm mươi hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Đặng Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội giám sát giáo dục trong thời hạn thử thách của bản án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm b, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17 ; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Trần Thủy Q 24 (hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Hạn thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Thủy Q cho Ủy ban nhân dân phường T, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội giám sát giáo dục trong thời hạn thử thách của bản án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm b, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17 ; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Viết T 24 (hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Hạn thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Viết T cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đông Anh, TP Hà Nội giám sát giáo dục trong thời hạn thử thách của bản án.

Trường hợp bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Miễn phạt tiền đối với các bị cáo.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;, Điều 106, 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 1 Mục I, Danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết:

Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho Lê Văn D số tiền 22.500.000 đồng. Theo giấy nộp tiền vào tài khoản của chi cục thi hành dân sự quận Long Biên ngày 12/12/2020.

Tịch thu sung công 01 điện thoại Iphone XS Max màu đen, số Imei 3357327090660313 đã qua sử dụng (Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án quận Long Biên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/12/2020).

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại là Lê Văn D không yêu cầu bồi thường nên hội đồng xét xử không xét.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là cửa hàng K không yêu cầu bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử không phải xét.

Về án phí: Mỗi bị cáo Vũ Văn Q , Đặng Văn Đ , Trần Thủy Q , Nguyễn Viết T phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Vũ Văn Q , Đặng Văn Đ , Trần Thủy Q , Nguyễn Viết T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo về những vấn đề có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân quận Long Biên;
- Công an quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Trâm Anh